

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia”;

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia của Công ty TNHH Khai thác mỏ đá Khe Tuấn;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 30/5/2018 của Bản Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia;

Căn cứ Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Khai thác mỏ đá Khe Tuấn tại Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 20/6/2019 (kèm theo hồ sơ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 795/TTr-STNMT ngày 29/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Khai thác mỏ đá Khe Tuấn được khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 17,38 ha; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 11,5 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 21, 20, 19, 18, 17, 16, 13 và 14; diện tích khu vực vực khai trường 1 là 4,0 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 15; diện tích khu vực vực khai trường 2 (đường vào mỏ) là 1,88 ha, được giới hạn bởi các điểm góc Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, Đ6, Đ7, Đ8, Đ9, Đ10, Đ11, Đ12, Đ13, Đ14, Đ15, Đ16, Đ17, Đ18, Đ19, Đ20, Đ21, Đ22 và 15 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

- Trữ lượng địa chất: 3.229.147 m³;

- Trữ lượng được phép khai thác: 2.486.282 m³;

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 85.000 m³/năm;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Mức sâu khai thác: +35 m;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường;

- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 09 tháng.

- Vị trí, ranh giới khu mỏ được xác định theo trích lục Bản đồ số 66/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 29/01/2018.

Điều 2. Công ty TNHH Khai thác mỏ đá Khe Tuần có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, ký quỹ đầu tư, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hoạt động khai thác mỏ theo Giấy phép này, Công ty TNHH Khai thác mỏ đá Khe Tuần chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các

quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Công ty TNHH Khai thác mỏ đá Khe Tuấn;
- Các Sở: XD, CT, TN&MT;
- Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN;
- UBND huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã Tân trường;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI
TẠI XÃ TÂN TRƯỜNG, HUYỆN TĨNH GIA**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: **123**/GP-UBND
ngày **31** tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiều 3 ⁰		Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiều 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)			X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác: 11,5 ha	1	2143910.00	571315.00	Khu vực khai trường 2 (đường vào mỏ): 1,88 ha	Đ1	2143870.16	571341.09
	2	2143875.00	571237.00		Đ2	2143704.00	571766.00
	3	2143908.00	571133.00		Đ3	2143694.00	571915.00
	4	2144013.40	571044.00		Đ4	2143715.00	572018.00
	5	2144047.00	570908.00		Đ5	2143830.00	572121.00
	6	2144012.00	570884.00		Đ6	2143861.00	572175.00
	7	2143881.00	570981.00		Đ7	2143861.00	572243.00
	8	2143864.00	571143.00		Đ8	2143811.00	572284.00
	9	2143780.00	571258.00		Đ9	2143774.00	572329.00
	21	2143714.93	571197.66		Đ10	2143766.00	572352.00
	20	2143804.77	571025.73		Đ11	2143776.00	572363.00
	19	2143851.45	570897.37		Đ12	2143860.00	572422.00
	18	2143910.62	570802.46		Đ13	2143872.00	572412.00
	17	2144039.82	570785.19		Đ14	2143784.00	572348.00
Khu vực khai trường 1: 4,0 ha	16	2144125.97	570722.14	Đ15	2143788.00	572336.00	
	13	2144184.00	570773.00	Đ16	2143822.00	572294.00	
	14	2144184.00	570952.00	Đ17	2143875.00	572250.00	
	1	2143910.00	571315.00	Đ18	2143875.00	572171.00	
	2	2143875.00	571237.00	Đ19	2143842.00	572111.00	
	3	2143908.00	571133.00	Đ20	2143729.00	572010.00	
	4	2144013.40	571044.00	Đ21	2143709.00	571914.00	
	5	2144047.00	570908.00	Đ22	2143719.00	571769.00	
	6	2144012.00	570884.00	15	2143882.00	571352.00	
	7	2143881.00	570981.00	Tổng diện tích mỏ: 17,38 ha			
8	2143864.00	571143.00					
9	2143780.00	571258.00					
15	2143882.00	571352.00					